

Số: 3482/QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 7 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

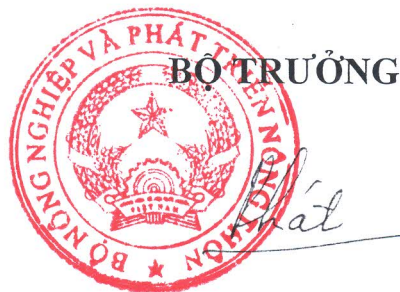
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính mới ban hành, 01 (một) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và PTNT (Trung tâm tin học và Thống kê);
- Vụ Pháp chế (Phòng kiểm soát TTHC);
- Lưu: VT, TCLN.



Cao Đức Phát

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3482/QĐ-BNN-TCLN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp Trung ương		
1	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	Lâm nghiệp	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh	Lâm nghiệp	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
	B-BNN-245101-TT	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.	Thông tư 26/2015/TT-BNNPTNT	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

Lĩnh vực: Lâm nghiệp

Tên thủ tục hành chính: Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ dự án (thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định).

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, bố trí diện tích trồng rừng thay thế trên địa bàn của địa phương khác trong phạm vi cả nước; quyết định đơn giá trồng rừng, tổng số tiền, thời gian chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan và chủ dự án biết để thực hiện.

+ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Trung ương tiếp nhận, quản lý số tiền trồng rừng thay thế, giải ngân theo phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổ chức trồng rừng thay thế.

- Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần:

Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Danh sách các dự án thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế (theo mẫu tại Phụ lục 04 Thông tư số 26 /2015/TT-BNNPTNT).

+ Số lượng: 01 bộ

-Thời hạn giải quyết: 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh; các chủ dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác phải trồng rừng thay thế.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam)

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ dự án.

- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu: Danh sách các dự án thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

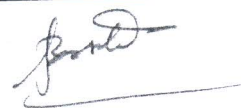
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 1 Thông tư số 26 /2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

**Phụ lục 04: DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ NỘP TIỀN
TRỒNG RỪNG THAY THẾ VÀO QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Mục đích sử dụng sau chuyển đổi rừng	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Ghi chú
	Tổng cộng				



B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

Lĩnh vực Lâm nghiệp

1. Tên thủ tục hành chính: Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác

- Trình tự thực hiện:

+ Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài là chủ dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chịu trách nhiệm tổ chức lập phương án trồng rừng thay thế, gửi hồ sơ (thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định (trường hợp Phương án trồng rừng thay thế có tổng diện tích dưới 50 hecta thì không nhất thiết thành lập Hội đồng thẩm định Phương án với đầy đủ thành phần. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định số lượng thành phần Hội đồng thẩm định phù hợp. Trường hợp phải xác minh thực địa, thì thời gian thẩm định phương án không được kéo dài quá 15 (mười lăm) ngày làm việc.

+ Trường hợp hồ sơ không đủ theo quy định thì trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho chủ dự án đã gửi để biết.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét phê duyệt phương án. Trường hợp không đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét phê duyệt phương án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết lý do.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị phê duyệt phương án của Sở Nông nghiệp và PTNT trình, UBND cấp tỉnh phải phê duyệt phương án; trường hợp không phê duyệt, UBND cấp tỉnh phải thông báo cho Sở NN&PTNT rõ lý do để trả lời cho chủ dự án đã gửi đề nghị biết.

- Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần:

Văn bản đề nghị phê duyệt phương án (theo mẫu tại Phụ lục 01 của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT);

Phương án trồng rừng thay thế (theo mẫu tại Phụ lục 02 của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT).

+ Số lượng: 05 bộ (01 bản chính và 04 bản sao).

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20-35 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.

- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục khác; Phương án trồng rừng thay thế

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

+ Khoản 1, 2, 3 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.



Phụ lục 01: ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 5 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm.....

ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN
TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG
SANG SỬ DỤNG CHO MỤC KHÁC

Dự án:

Kính gửi :

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ Thông tư 24/2013 /TT-BNNPTNT ngày 6/5/2013 Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang sử dụng cho mục đích khác, đề nghị phê duyệt phương án trồng rừng thay thế như sau:

Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:

Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:

Đối tượng rừng chuyển đổi:

Diện tích đất trồng rừng thay thế:

Vị trí trồng rừng thay thế: thuộc khoảnh..., tiểu khu.... xã....huyện....tỉnh...

Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.....

Phương án trồng rừng thay thế:

- Loài cây trồng.....

- Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....

- Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....

- Thời gian trồng:.....

Tổng mức đầu tư trồng rừng thay thế:.....

.....(tên tổ chức) cam đoan thực hiện đúng quy định của nhà nước về trồng rừng thay thế, nếu vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện của tổ chức

(ký, đóng dấu)

Phụ lục 02: PHƯƠNG ÁN TRỒNG RỪNG THAY THẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2013/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 5 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG

III. KHÁI QUÁT VỀ DIỆN TÍCH RỪNG, ĐẤT RỪNG CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH

1. Tên Phương án:
2. Vị trí khu rừng: Diện tích.....ha, Thuộc khoảnh,lô
Các mặt tiếp giáp.....;
- Địa chỉ khu rừng: Thuộc xã.....huyện.....tỉnh.....;
3. Địa hình: Loại đất.....độ dốc.....;
4. Khí hậu:.....;
5. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

V. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Phương án án 1: Chủ đầu tư tự thực hiện
 - Tổng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng:
 - Loại rừng chuyển mục đích sử dụng:
 - Đối tượng rừng chuyển đổi:
 - + Trạng thái rừng.....
 - + Trữ lượng rừng.....m³, tre, nứa.....cây
 - Diện tích đất trồng rừng thay thế:
 - + Vị trí trồng: thuộc khoảnh..., tiểu khu.... xã.....huyện.....tỉnh...
 - + Thuộc đối tượng đất rừng (Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất):.....
 - Kế hoạch trồng rừng thay thế
 - + Loài cây trồng.....
 - + Mật độ.....
 - + Phương thức trồng (hỗn giao, thuần loài):.....
 - + Chăm sóc, bảo vệ rừng trồng:
 - + Thời gian và tiến độ trồng:.....
 - + Xây dựng đường băng cản lửa.....
 - + Mức đầu tư bình quân 1 ha (triệu đồng):.....
 - + Tổng vốn đầu tư trồng rừng thay thế.
2. Phương án 2: Nộp tiền về quỹ bảo vệ và phát triển rừng (do hết quỹ đất)
 - Lý do xây dựng phương án
 - Dự toán kinh phí thực hiện phương án

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....

2. Tên thủ tục hành chính: Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh

- Trình tự thực hiện:

+ Chủ dự án có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế (thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định).

+ Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đơn giá trồng rừng, tổng số tiền, thời gian chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ dự án biết để thực hiện.

+ Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh tiếp nhận, quản lý số tiền trồng rừng thay thế, giải ngân theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế.

- Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần:

Văn bản của chủ dự án;

Thuyết minh dự án đầu tư có thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng.

+ Số lượng: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết: 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế của chủ dự án.

- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu: Không

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 1 Thông tư số 26 /2015/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

